

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2019
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết;
2. Ông Phạm Anh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: k, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Q.

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Thanh T, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: k, thị trấn L , huyện D, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/02/2019 và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lưu Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Q. Sau khi cưới vợ chồng đến Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không chăm lo gia đình, thường xuyên đi uống rượu và cờ bạc dẫn đến vợ chồng xảy ra tranh cãi, chị L có khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi, mà vợ chồng ngày càng mâu thuẫn thêm nên đến tháng 9/2018 vợ chồng sống ly thân. Nay chị T nhận thấy vợ chồng không còn tình thương, sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Thanh T.

Về con chung: có một con chung tên Lưu Minh Đ, sinh ngày 27/7/2016, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

Ngày 13/6/2019 chị Nguyễn Thị T làm đơn xin xét xử vắng mặt lý do hoàn cảnh khó khăn, đi làm ăn không thể có mặt tham gia phiên tòa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T vẫn yêu cầu ly hôn anh T và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, về tài sản và nợ chung cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lưu Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản cho Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T nên ngày 24/6/2019 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 15/7/2019, mặc dù Tòa án đã tổng niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến ngày 22/7/2019 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử lần hai vào ngày 08/8/2019 và đã niêm yết hợp lệ các văn bản cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; Về thẩm quyền giải quyết đảm bảo theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách các đương sự đảm bảo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97, 98 và Điều 109 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giao thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử và việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định tại Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đảm bảo thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về ý kiến giải quyết vụ án áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T cho chị ly hôn anh Lưu Thanh T; Về con chung: chị T được tiếp tục nuôi con tên Lưu Minh Đ sinh ngày 27/7/2016, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T và nội dung yêu cầu giải quyết, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Lưu Thanh T có hộ khẩu thường trú tại k thị trấn L, huyện D, tỉnh T nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/6/2019 và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K nên hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp. Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là tự nguyện, có thời gian chung sống với nhau khoảng 5 năm và có một người con chung nhưng anh chị lại xảy ra mâu thuẫn mà không giải quyết được dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, trong thời gian ly thân chị T và anh T không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ, chị T nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh T. Đối với anh T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự được biết để tạo điều kiện cho anh T hàn gắn tình cảm với chị T nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ nên chị T yêu cầu được ly hôn anh Lưu Thanh T là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Lưu Minh Đ, 27/7/2016. Phần cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con, mặc dù anh T không phụ chi phí với chị T để nuôi con nhưng chị T vẫn đảm bảo nuôi con tốt, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Đ cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Đối với phần cấp dưỡng nuôi con Thẩm phán đã phân tích về cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết, anh Lưu Thanh T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Thanh T.

2. Về con chung: Giao con Lưu Minh Đ, sinh ngày 27/7/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xét đến.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xét đến

4. Về nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại lai thu số 0000137 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải. Như vậy chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi đương sự cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thùy Linh